

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 33,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 18.1% | 31.4% | 1.5% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 23,174 - 35,000 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 3,225 |
| Số lượng CPLH (CP) | 95,136,924 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 89,688 |
| Sở hữu nước ngoài | 17.2% |
| Beta | 0.50 |
| EPS | 908 |
| P/E | 37.3 |

DT thuần

Q1/24

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▼86.0| -24.5%

YoY: ▼22.0| -7.7%

LN trước thuế

Q1/24

1.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.6| -96.6%

YoY: ▼1.67| -59.4%

LN sau thuế

Q1/24

0.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.9| -97.7%

YoY: ▼0.92| -56.3%

ROA

2023

3.4%

+/- YoY: ▼ 8.4%

DT thuần

2023

1,425

tỷ VNĐ

YoY: ▼690| -32.6%

LN trước thuế

2023

91.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼178| -66.2%

LN sau thuế

2023

87.8

tỷ VNĐ

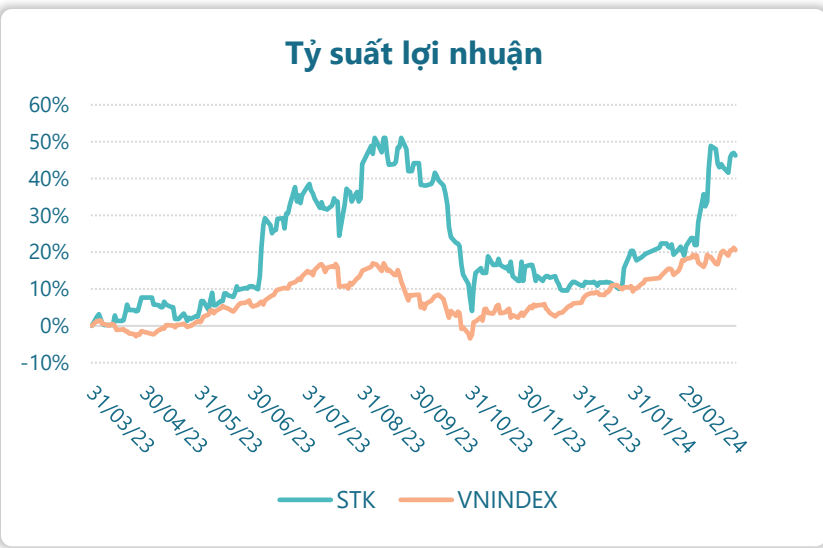
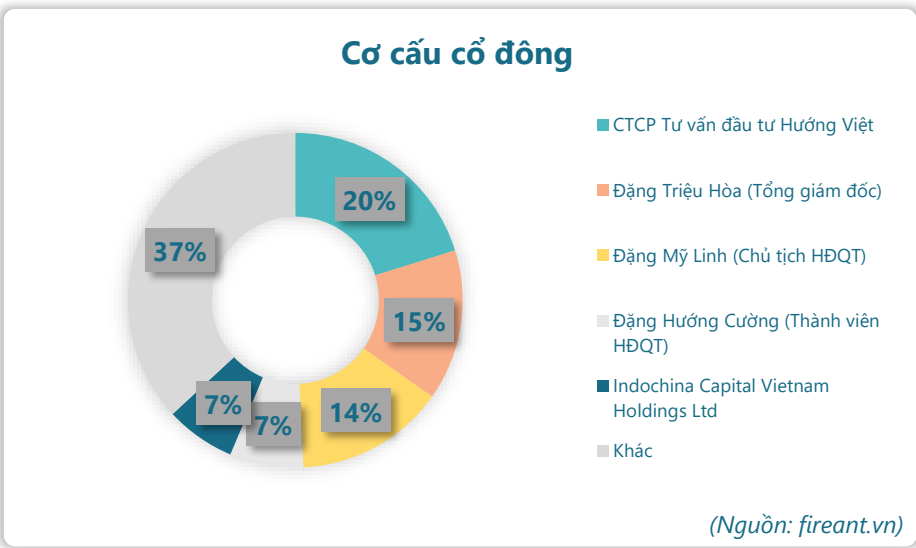
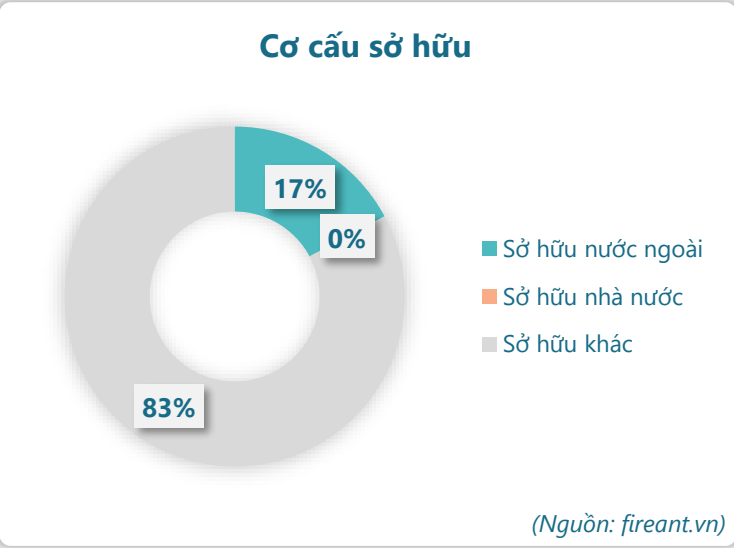
YoY: ▼154| -63.8%

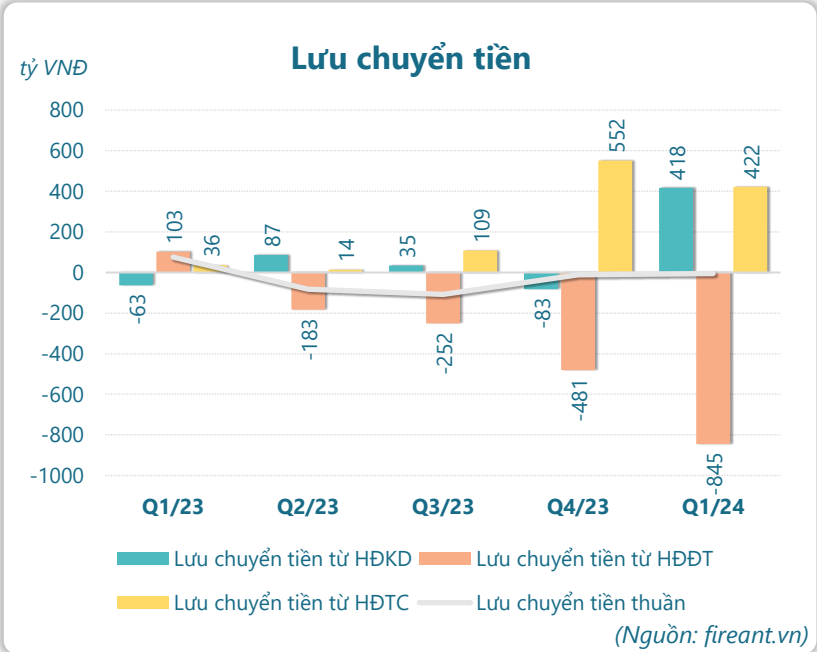
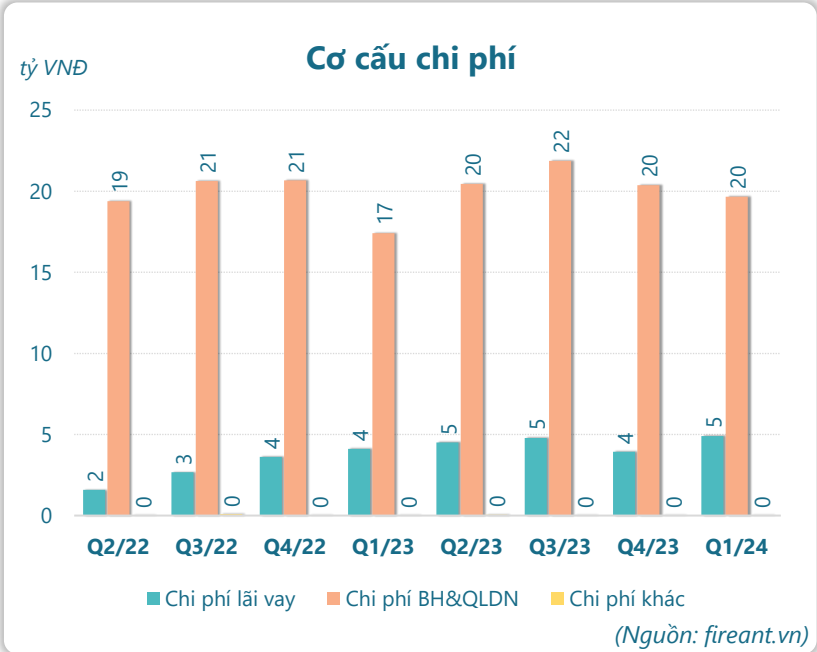
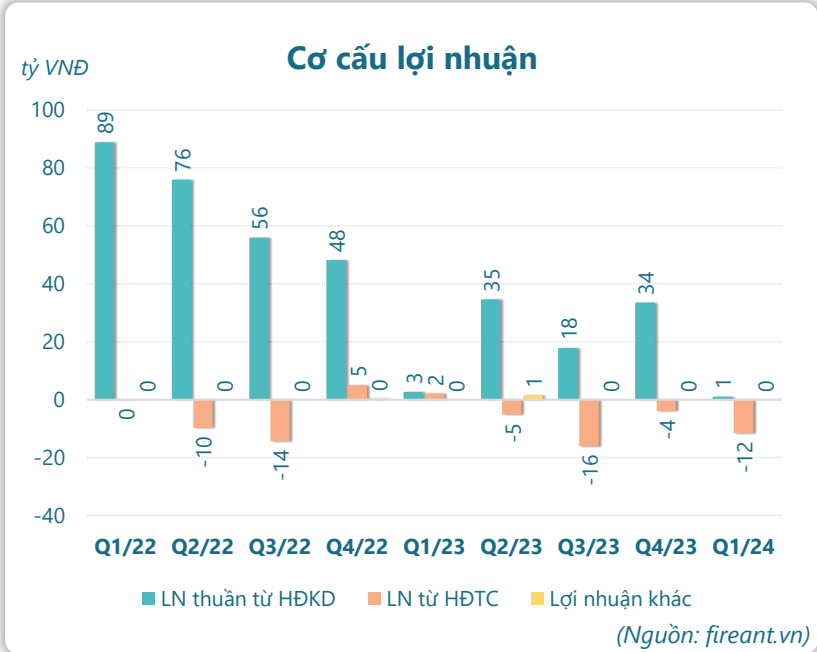
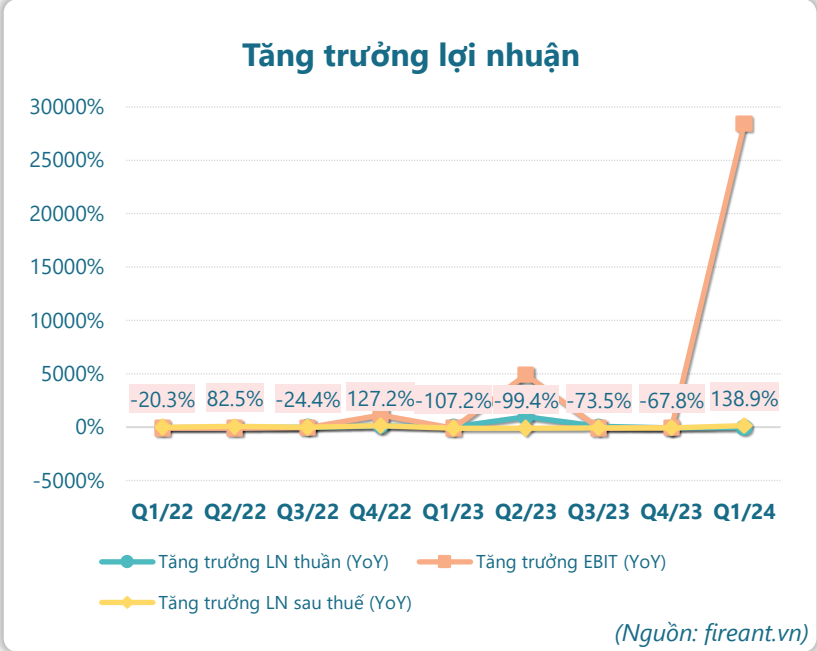
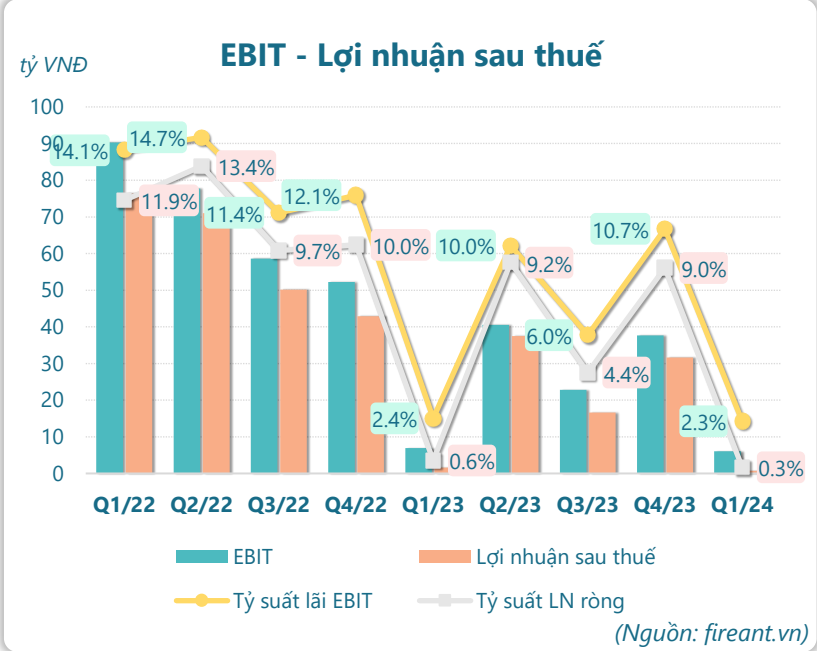
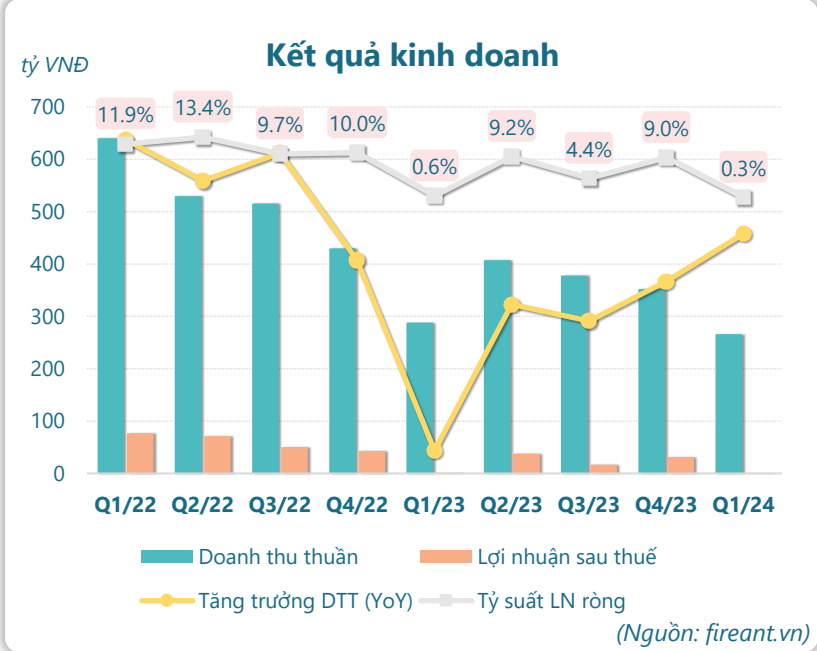
ROE

2023

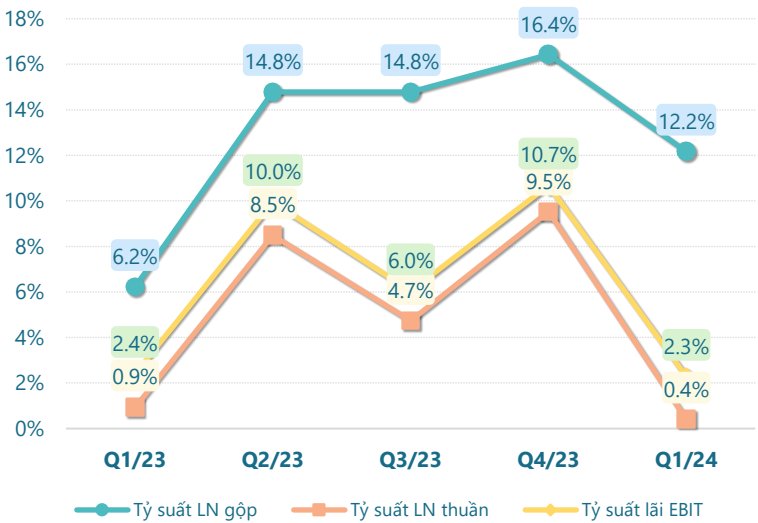
5.5%

+/- YoY: ▼ 11.8%



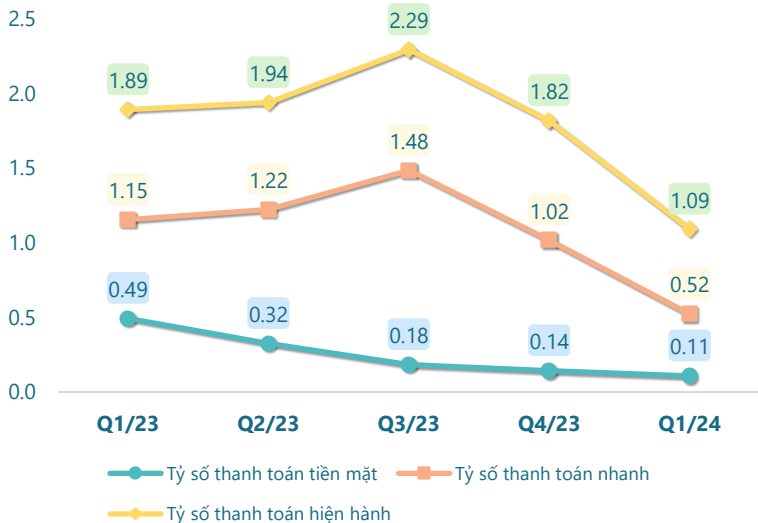


Tỷ suất lợi nhuận



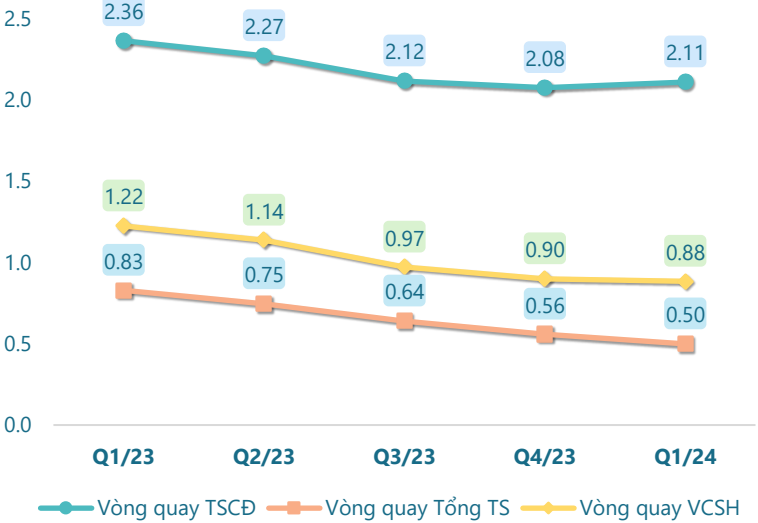
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



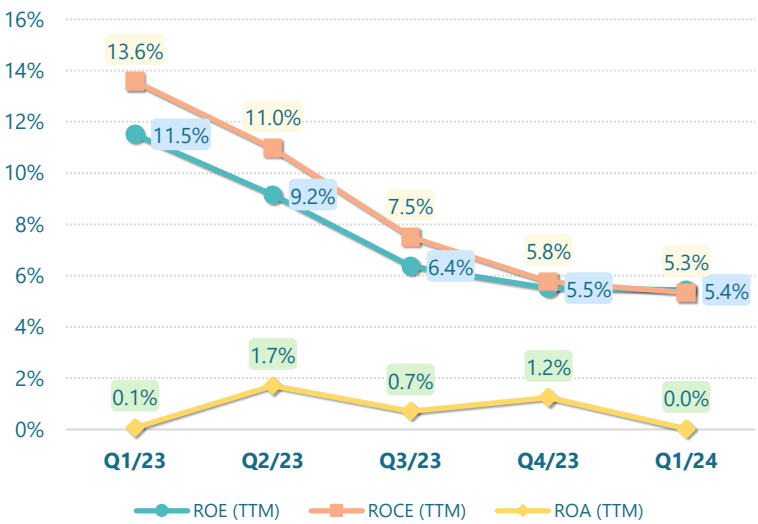
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



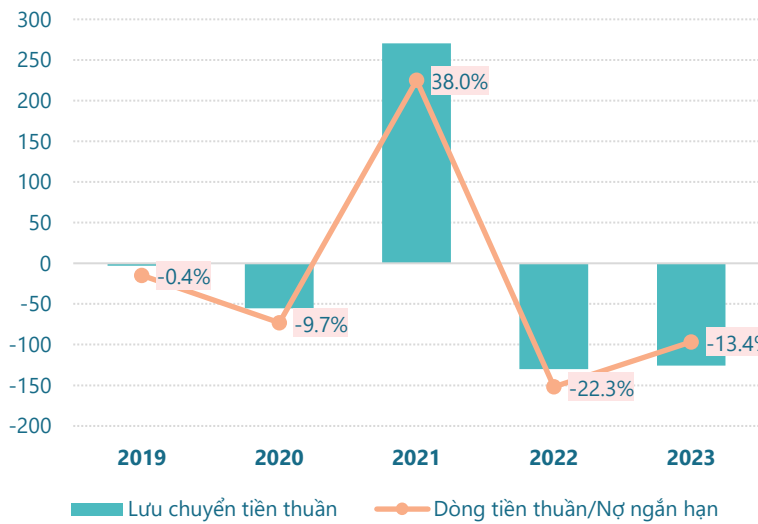
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



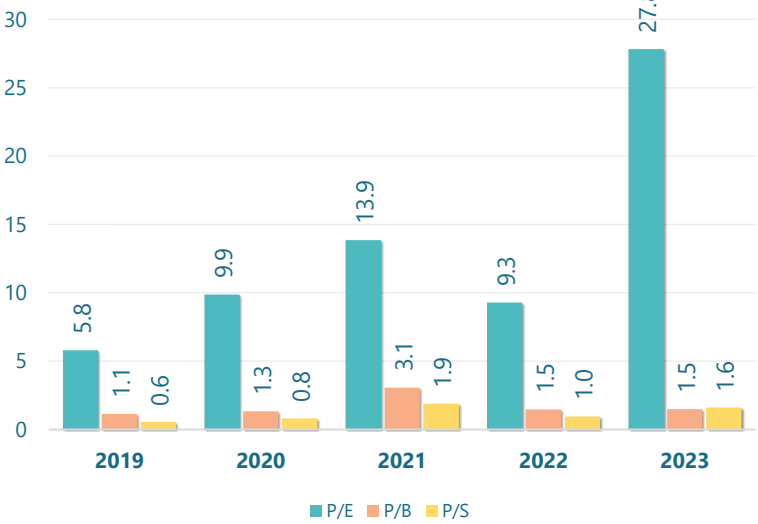
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)